



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001060346	Nguyễn Thành	An	14/11/2004	KA10A	49					
2	000002	1001060347	Đỗ Thị Phương	Anh	21/08/2004	KA10A	49					
3	000003	1001061438	Lý Thị Kim	Anh	09/03/2004	KA10A	49					
4	000004	1001060348	Nguyễn Hoàng	Anh	26/09/2004	KA10A	49					
5	000005	1001060349	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/11/2004	KA10A	49					
6	000006	1001060350	Nguyễn Thị Phương	Anh	03/09/2004	KA10A	49					
7	000007	1001060351	Vũ Hà Thanh	Bình	10/11/2004	KA10A	49					
8	000008	1001060353	Đinh Đức	Giáp	27/10/2004	KA10A	49					
9	000009	1001060355	Nguyễn Việt	Hà	12/07/2004	KA10A	49					
10	000010	1001061095	Ngô Thị Ngọc	Hoài	16/06/2004	KA10A	49					HP
11	000011	1001060359	Đào Ngọc	Hoàn	23/12/2004	KA10A	49					
12	000012	1001060361	Phạm Thu	Hương	18/08/2004	KA10A	49					
13	000013	1001060363	Vũ Mai	Hương	26/11/2004	KA10A	49					
14	000014	1001060365	Nguyễn Thanh	Huyền	02/10/2004	KA10A	49					
15	000015	1001060366	Trần Khánh	Huyền	23/11/2004	KA10A	49					
16	000016	1001061429	Triệu Tài	Lương	23/09/2000	KA10A	49					
17	000017	1001060368	Nguyễn Thị Thanh	Minh	27/12/2004	KA10A	49					
18	000018	1001061025	Phạm Thị Phương	Nga	13/02/2004	KA10A	49					
19	000019	1001060369	Vũ Đoàn Anh	Ngọc	19/12/2004	KA10A	49					
20	000020	1001061430	Nguyễn Thị Hoài	Thu	29/11/2004	KA10A	49					
21	000021	1001060372	Ngô Hồng	Thư	20/01/2004	KA10A	49					
22	000022	1001060373	Nguyễn Thùy	Tiên	24/01/2004	KA10A	49					
23	000023	1001060374	Nguyễn Trung	Tiến	18/08/2004	KA10A	49					
24	000024	1001061431	Nguyễn Đức	Trường	16/10/2003	KA10A	49					
25	000025	1001061083	Cam Thảo	Vân	16/07/2004	KA10A	49					
26	000026	1001060379	Đỗ Thúy	Xoan	22/10/2004	KA10A	49					
27	000027	1001060381	Phạm Hoàng	Yến	18/07/2004	KA10A	49					
28	000028	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD10A	50					
29	000029	1001020024	Dương Phương	Anh	08/10/2004	KD10A	50					
30	000030	1001021472	Lục Thảo	Anh	29/02/2004	KD10A	50					
31	000031	1001020931	Nguyễn Minh	Anh	09/07/2004	KD10A	50					
32	000032	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	50					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000033	1001020004	Nguyễn Tuấn	Anh	22/05/2000	KD10A	50					
2	000034	1001021513	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/12/2004	KD10A	50					
3	000035	1001020067	Trần Thị Ngọc	Ánh	07/12/2003	KD10A	50					
4	000036	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	50					HP
5	000037	1001020077	Nguyễn Thanh	Chúc	02/08/2004	KD10A	50					
6	000038	1001021402	Vũ Phương	Đông	10/01/2004	KD10A	50					
7	000039	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A	50					
8	000040	1001020097	Phạm Thị Mỹ	Duyên	27/07/2004	KD10A	50					
9	000041	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	50					
10	000042	1001020111	Nguyễn Đức	Hải	23/09/2004	KD10A	50					
11	000043	1001020969	Hoàng Thu	Hiền	22/12/2004	KD10A	50					
12	000044	1001020121	Hoàng Thu	Hiền	30/04/2004	KD10A	50					HP,ĐK
13	000045	1001020970	Trịnh Thị Ngọc	Hiền	24/11/2004	KD10A	50					
14	000046	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	50					
15	000047	1001020134	Hoàng Thị	Huế	06/08/2004	KD10A	50					
16	000048	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	50					
17	000049	1001020140	Lan	Hương	08/07/2004	KD10A	50					
18	000050	1001020149	Lê Phương Khánh	Huyền	09/07/2004	KD10A	50					
19	000051	1001021410	Trần Thị Thanh	Huyền	29/09/2003	KD10A	50					
20	000052	1001021360	Bùi Thị Thu	Lan	09/07/2004	KD10A	50					
21	000053	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	50					
22	000054	1001020166	Đồng Thị Ngọc	Linh	25/08/2004	KD10A	50					
23	000055	1001020178	Thân Ánh	Linh	20/09/2004	KD10A	51					
24	000056	1001020179	Trần Như	Linh	20/12/2004	KD10A	51					
25	000057	1001020185	Nguyễn Khánh	Ly	03/09/2004	KD10A	51					
26	000058	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	51					
27	000059	1001021409	Vũ Thị Phương	Mai	25/08/2003	KD10A	51					
28	000060	1001020212	Trần Ánh	Ngân	12/08/2004	KD10A	51					
29	000061	1001020213	Trần Thị	Ngân	09/11/2004	KD10A	51					
30	000062	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	51					
31	000063	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	51					
32	000064	1001021036	Ngô Thị Yến	Nhi	11/12/2004	KD10A	51					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000065	1001021038	Hà Thị	Nhung	04/02/2004	KD10A	51					
2	000066	1001020244	Trần Thục	Oanh	30/03/2004	KD10A	51					
3	000067	1001020264	Phạm Như	Quỳnh	23/10/2004	KD10A	51					
4	000068	1001020685	Đào Diễm	Tâm	23/10/2004	KD10A	51					
5	000069	1001020275	Khúc Phương	Thảo	21/12/2004	KD10A	51					
6	000070	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	51					
7	000071	1001020284	Nhạc Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	KD10A	51					
8	000072	1001021064	Trịnh Anh	Thơ	29/08/2004	KD10A	51					
9	000073	1001020294	Vũ Thị Thanh	Thư	30/10/2004	KD10A	51					
10	000074	1001020300	Vũ Thu	Thủy	23/07/2004	KD10A	51					
11	000075	1001020309	Đỗ Quỳnh	Trang	20/08/2004	KD10A	51					
12	000076	1001020314	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2004	KD10A	51					
13	000077	1001021580	Phạm Thị	Trình	06/12/2004	KD10A	51					HP,ĐK
14	000078	1001020329	Nguyễn Thị Tố	Uyên	23/04/2004	KD10A	51					
15	000079	1001020331	Ngô Thị Thùy	Vân	22/01/2004	KD10A	51					
16	000080	1001020338	Nguyễn Thị Ngọc	Vui	31/07/2004	KD10A	51					
17	000081	1001021089	Ngô Hải	Yến	24/10/2004	KD10A	51					
18	000082	0901020110	Nguyễn Huy	Hoàng	29/10/2003	KD9K	51					
19	000083	1001020018	Đặng Tú	Anh	21/03/2004	KD10B	52					
20	000084	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	52					
21	000085	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	52					
22	000086	1001020045	Nguyễn Thị Phương	Anh	06/08/2004	KD10B	52					
23	000087	1001020055	Trần Thị Vân	Anh	01/11/2004	KD10B	52					
24	000088	1001020063	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/07/2004	KD10B	52					
25	000089	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	52					
26	000090	1001020084	Đỗ Thị Thùy	Dung	28/03/2004	KD10B	52					
27	000091	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD10B	52					HP,ĐK
28	000092	1001021408	Cao Thị	Giang	19/10/2004	KD10B	52					
29	000093	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	52					
30	000094	1001020120	Dương Thị	Hiền	20/07/2004	KD10B	52					
31	000095	1001020122	Trịnh Thị Thanh	Hiền	17/10/2002	KD10B	52					
32	000096	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	52					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000097	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	52					
2	000098	1001021403	Ngô Thị	Hương	24/05/2004	KD10B	52					
3	000099	1001020983	Trần Vũ Lan	Hương	25/01/2004	KD10B	52					
4	000100	1001021750	Lê Thị	Huyền	30/04/2004	KD10B	52					
5	000101	1001021416	Nguyễn Thị Minh	Khuê	30/08/2004	KD10B	52					
6	000102	1001020159	Đào Hoàng	Lan	15/11/2004	KD10B	52					
7	000103	1001020174	Nguyễn Nhật	Linh	08/12/2003	KD10B	52					
8	000104	1001020182	Vũ Thùy	Linh	25/08/2004	KD10B	52					
9	000105	1001020186	Nguyễn Phương	Ly	13/11/2004	KD10B	52					
10	000106	0901020124	Nguyễn Quỳnh	Chi	10/01/2003	KD10B	53					
11	000107	1001020192	Nguyễn Phan Thị Xuân	Mai	21/12/2004	KD10B	53					
12	000108	1001020198	Phạm Thị	Mến	23/07/2004	KD10B	53					
13	000109	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B	53					
14	000110	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	53					
15	000111	1001020232	Nguyễn Tuyết	Nhi	28/09/2004	KD10B	53					
16	000112	1001020239	Lê Hồng	Nhung	04/02/2004	KD10B	53					
17	000113	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	53					
18	000114	1001020252	Nhâm Trần Mai	Phương	16/05/2003	KD10B	53					
19	000115	1001020259	Chu Thị	Quyên	17/08/2004	KD10B	53					
20	000116	1001021051	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	KD10B	53					
21	000117	1001020268	Đỗ Thanh	Tâm	20/12/2004	KD10B	53					
22	000118	1001020273	Đinh Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	KD10B	53					
23	000119	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	53					
24	000120	1001021427	Nguyễn Thị	Thảo	30/05/2004	KD10B	53					
25	000121	1001020301	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	03/06/2004	KD10B	53					
26	000122	1001020899	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Trân	17/12/2004	KD10B	53					
27	000123	1001020315	Nguyễn Thị Kiều	Trang	24/07/2004	KD10B	53					
28	000124	1001020316	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/08/2004	KD10B	53					
29	000125	1001021080	Lê Thanh	Trúc	07/05/2004	KD10B	53					
30	000126	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	53					
31	000127	1001020330	Trịnh Thu	Uyên	01/01/2004	KD10B	53					
32	000128	1001021444	Nguyễn Hoàng Yến	Vy	31/07/2004	KD10B	53					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000129	1001020345	Trịnh Thị Hải	Yến	20/07/2004	KD10B	53					
2	000130	1001020019	Đinh Thị Lan	Anh	08/04/2004	KD10C	54					
3	000131	1001020025	Hoàng Thị Mai	Anh	02/08/2004	KD10C	54					
4	000132	1001020034	Ngô Ngọc	Anh	05/12/2004	KD10C	54					
5	000133	1001020041	Nguyễn Phương	Anh	24/07/2004	KD10C	54					
6	000134	1001021425	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/12/2004	KD10C	54					
7	000135	1001020934	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/02/2004	KD10C	54					
8	000136	1001021405	Trịnh Ngọc	Anh	21/06/2004	KD10C	54					
9	000137	1001020062	Phạm Hồng	Ánh	19/08/2004	KD10C	54					
10	000138	1001020075	Nguyễn Thị Mai	Chi	24/09/2004	KD10C	54					
11	000139	1001020080	Hoàng Anh	Đào	24/10/2002	KD10C	54					
12	000140	1001020085	Lê Thị Thùy	Dung	05/12/2004	KD10C	54					
13	000141	1001020087	Nguyễn Thị Thanh	Dung	17/03/2004	KD10C	54					
14	000142	1001020093	Nguyễn Thị Thùy	Dương	30/05/2004	KD10C	54					
15	000143	1001020112	Bùi Thanh	Hằng	19/12/2004	KD10C	54					
16	000144	1001020968	Đỗ Thị Thu	Hiền	22/01/2004	KD10C	54					
17	000145	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	54					
18	000146	1001020133	Đường Huy	Hoàng	10/01/2004	KD10C	54					
19	000147	1001020141	Ngô Thu	Hương	12/03/2003	KD10C	54					
20	000148	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD10C	54					
21	000149	1001020442	Nguyễn Thị Minh	Huyền	02/12/2004	KD10C	54					
22	000150	1001020154	Nguyễn Minh	Khương	06/10/2003	KD10C	54					HP,ĐK
23	000151	1001021442	Đoàn Khánh	Linh	15/01/2004	KD10C	54					
24	000152	1001020168	Lê Thị Ngọc	Linh	10/11/2004	KD10C	54					
25	000153	1001021014	Trần Khánh	Ly	09/10/2004	KD10C	54					
26	000154	0901020049	Trần Mỹ	Anh	27/04/2003	KD9M	54					ĐK
27	000155	0901020177	Hoàng Linh	Chi	28/04/2003	KD9M	54					HP,ĐK
28	000156	1001021411	Đỗ Thị Ngọc	Minh	10/08/2004	KD10C	55					
29	000157	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	55					
30	000158	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	55					
31	000159	1001021032	Trương Thị	Ngọc	30/07/2004	KD10C	55					
32	000160	1001020227	Đào Yến	Nhi	18/11/2004	KD10C	55					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000161	1001021406	Nguyễn Tuyết	Nhi	13/12/2004	KD10C	55					
2	000162	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	55					
3	000163	1001021559	Vương Minh	Phú	18/10/2004	KD10C	55					
4	000164	1001020846	Nguyễn Quỳnh	Phương	11/07/2004	KD10C	55					
5	000165	1001021049	Lưu Thị Hồng	Quyên	18/12/2004	KD10C	55					
6	000166	1001021050	Lại Thị Như	Quỳnh	25/01/2004	KD10C	55					
7	000167	0810211753	Lý Thị Thanh	Tâm	06/08/2002	KD10C	55					
8	000168	1001021407	Ngô Minh	Tâm	08/08/2004	KD10C	55					
9	000169	1001021413	Nguyễn Phương	Thảo	16/06/2004	KD10C	55					
10	000170	1001021058	Nguyễn Phương	Thảo	17/08/2004	KD10C	55					
11	000171	1001021061	Phạm Phương	Thảo	26/08/2004	KD10C	55					
12	000172	1001020286	Phùng Lê Phương	Thảo	17/09/2004	KD10C	55					
13	000173	1001020371	Nguyễn Thị Ngọc	Thom	01/07/2004	KD10C	55					
14	000174	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C	55					
15	000175	1001021072	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/10/2003	KD10C	55					
16	000176	1001020310	Lê Thị Thùy	Trang	08/03/2004	KD10C	55					
17	000177	1001021575	Luận Thị	Trang	18/08/2004	KD10C	55					
18	000178	1001021590	Nguyễn Quỳnh	Trang	12/10/2004	KD10C	55					
19	000179	1001021318	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/11/2004	KD10C	55					
20	000180	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	55					
21	000181	1001020328	Lê Ngọc Tài	Tuyển	05/02/2004	KD10C	55					
22	000182	1001020339	Nguyễn Thị	Xuân	13/07/2004	KD10C	55					
23	000183	0901020543	Đào Thu	Hiền	27/01/2003	KD9M	55					
24	000184	1001020020	Đỗ Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	56					
25	000185	1001020026	Hoàng Thị Phương	Anh	03/02/2004	KD10D	56					
26	000186	1001020035	Nguyễn Châu	Anh	11/12/2004	KD10D	56					
27	000187	1001020047	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/10/2004	KD10D	56					
28	000188	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	56					
29	000189	1001021133	Trần Thị Kiều	Anh	05/08/2004	KD10D	56					
30	000190	1001020056	Vũ Nguyễn Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	56					
31	000191	1001020068	Nguyễn Ngọc	Bích	30/06/2004	KD10D	56					HP,ĐK
32	000192	1001020499	Nguyễn Thị Bảo	Chi	08/09/2004	KD10D	56					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000193	1001021516	Nguyễn Thị Anh	Đào	13/02/2004	KD10D	56					
2	000194	1001020094	Nguyễn Thuý	Dương	12/02/2004	KD10D	56					
3	000195	1001021519	Nguyễn Thị Thu	Giang	18/09/2004	KD10D	56					
4	000196	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	56					
5	000197	1001020964	Lê Thị Thu	Hằng	04/01/2004	KD10D	56					
6	000198	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	56					
7	000199	1001020135	Lê Thị	Huế	26/01/2004	KD10D	56					HP,ĐK
8	000200	1001020137	Đinh Lê Quốc	Hưng	03/06/2004	KD10D	56					
9	000201	1001020979	Nguyễn Lan	Hương	25/12/2004	KD10D	56					
10	000202	1001021419	Nguyễn Thị Diệu	Hương	29/07/2004	KD10D	56					
11	000203	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	56					
12	000204	1001020150	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/02/2004	KD10D	56					
13	000205	1001020153	Trần Quang	Khởi	21/11/2004	KD10D	56					
14	000206	1001020155	Lê Thị Vân	Kiều	06/08/2004	KD10D	56					
15	000207	1001020999	Đỗ Diệu	Linh	24/10/2004	KD10D	56					
16	000208	1001020169	Lê Thị Thùy	Linh	26/12/2004	KD10D	56					
17	000209	1001020176	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/01/2004	KD10D	56					
18	000210	1001020181	Trịnh Thùy	Linh	17/04/2004	KD10D	57					
19	000211	1001021010	Đỗ Ngọc Hương	Ly	25/09/2004	KD10D	57					
20	000212	1001020187	Dương Ngọc	Mai	31/05/2004	KD10D	57					
21	000213	1001020195	Tạ Ngọc	Mai	14/08/2004	KD10D	57					
22	000214	1001020199	Nguyễn Chiêu	Minh	08/07/2004	KD10D	57					HP
23	000215	1001021023	Nông Hoàng	Nam	18/04/2004	KD10D	57					
24	000216	1001020216	Lê Thị Bích	Ngọc	15/03/2004	KD10D	57					
25	000217	1001021614	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	02/12/2004	KD10D	57					
26	000218	1001020228	Đinh Yến	Nhi	03/02/2004	KD10D	57					
27	000219	1001020233	Nguyễn Yến	Nhi	28/11/2004	KD10D	57					HP
28	000220	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	57					
29	000221	1001020241	Nguyễn Thị	Nhung	22/10/2003	KD10D	57					
30	000222	1001021122	Ngô Thị Kim	Oanh	13/05/2004	KD10D	57					
31	000223	1001020248	Đinh Thị Quỳnh	Phương	25/10/2003	KD10D	57					
32	000224	1001021046	Nguyễn Thị Ánh	Phương	10/02/2004	KD10D	57					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000225	1001020260	Nguyễn Thị	Quyên	02/11/2004	KD10D	57					
2	000226	1001020269	Vũ Hồng	Thái	11/07/2004	KD10D	57					
3	000227	1001020278	Nguyễn Phương	Thảo	12/11/2004	KD10D	57					
4	000228	1001021439	Nguyễn Thạch	Thảo	03/07/2004	KD10D	57					
5	000229	1001020290	Phạm Thị	Thơm	19/02/2004	KD10D	57					
6	000230	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	57					
7	000231	1001020306	Nguyễn Thị Minh	Trâm	21/09/2004	KD10D	57					
8	000232	1001020317	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/09/2004	KD10D	57					
9	000233	1001020325	Lương Thị Ngọc	Tú	30/12/2004	KD10D	57					
10	000234	1001020334	Đặng Ngọc	Vinh	22/08/2004	KD10D	57					
11	000235	1001021086	Nguyễn Thị	Xuân	23/06/2004	KD10D	57					
12	000236	0810210798	Phạm Mai	Linh	06/01/2002	KD9C	57					ĐK
13	000237	1001020021	Đỗ Phương	Anh	04/11/2004	KD10E	58					
14	000238	1001020029	Lê Quỳnh	Anh	24/11/2003	KD10E	58					
15	000239	1001020036	Nguyễn Hà	Anh	14/12/2004	KD10E	58					
16	000240	1001020042	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/09/2004	KD10E	58					
17	000241	1001021102	Nguyễn Thị Thảo	Anh	09/10/2004	KD10E	58					
18	000242	1001020051	Nguyễn Việt	Anh	14/04/2003	KD10E	58					
19	000243	1001020057	Vũ Thảo	Anh	12/02/2004	KD10E	58					HP,ĐK
20	000244	1001020060	Nguyễn Thị	Ánh	23/11/2004	KD10E	58					
21	000245	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD10E	58					ĐK
22	000246	1001020088	Tạ Thùy	Dung	02/03/2004	KD10E	58					
23	000247	1001020095	Nguyễn Thùy	Dương	14/11/2004	KD10E	58					
24	000248	1001020113	Dương Thanh	Hằng	04/02/2004	KD10E	58					
25	000249	1001020116	Lê Thị	Hạnh	29/09/2004	KD10E	58					
26	000250	1001020117	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	06/02/2004	KD10E	58					
27	000251	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	58					
28	000252	1001020789	Trịnh Thị	Huế	11/11/2004	KD10E	58					ĐK
29	000253	1001020139	Đường Thị	Hương	08/02/2004	KD10E	58					
30	000254	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD10E	58					ĐK
31	000255	1001020151	Nguyễn Thu	Huyền	18/04/2004	KD10E	58					
32	000256	1001020156	Vũ Thị	Lam	05/10/2004	KD10E	58					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000257	1001020997	Trần Thị Hương	Lan	08/05/2004	KD10E	58					
2	000258	1001020163	Đỗ Thị	Linh	31/03/2004	KD10E	58					ĐK
3	000259	1001020601	Lưu Thùy	Linh	17/09/2004	KD10E	58					
4	000260	1001021421	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/02/2004	KD10E	58					
5	000261	1001021549	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/07/2004	KD10E	58					
6	000262	1001021012	Hoàng Hương	Ly	02/12/2004	KD10E	58					ĐK
7	000263	1001020189	Lê Ngọc	Mai	29/06/2004	KD10E	58					
8	000264	1001021424	Trần Ngọc	Mai	29/02/2004	KD10E	59					
9	000265	1001020200	Nguyễn Đức	Minh	28/02/2004	KD10E	59					
10	000266	1001020217	Lê Yên	Ngọc	17/12/2004	KD10E	59					
11	000267	1001020223	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	05/12/2004	KD10E	59					
12	000268	1001020234	Phùng Yên	Nhi	06/09/2004	KD10E	59					
13	000269	1001021039	Phan Thị Hồng	Nhung	14/05/2004	KD10E	59					
14	000270	1001021042	Dương Thanh	Phương	16/09/2004	KD10E	59					
15	000271	1001021560	Nguyễn Thủy	Phương	07/08/2004	KD10E	59					
16	000272	1001020253	Phạm Thị Thu	Phương	28/02/2004	KD10E	59					
17	000273	1001021418	Nguyễn Hồng	Sơn	15/11/2004	KD10E	59					
18	000274	1001020270	Đỗ Phương	Thanh	07/10/2004	KD10E	59					
19	000275	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD10E	59					ĐK
20	000276	1001020282	Nguyễn Thanh	Thảo	28/08/2004	KD10E	59					
21	000277	1001021063	Trịnh Thu	Thảo	12/11/2002	KD10E	59					
22	000278	1001021572	Phan Thị	Thơm	29/12/2003	KD10E	59					
23	000279	1001020299	Phạm Thị	Thủy	18/06/2004	KD10E	59					
24	000280	1001020307	Bùi Thị Huyền	Trang	19/06/2004	KD10E	59					
25	000281	1001020312	Lưu Thị Thùy	Trang	03/08/2004	KD10E	59					
26	000282	1001020318	Nguyễn Thu	Trang	26/06/2004	KD10E	59					
27	000283	1001020321	Phan Minh	Trang	31/10/2004	KD10E	59					
28	000284	1001021320	Trần Đặng Kiều	Trang	08/07/2004	KD10E	59					
29	000285	1001021579	Vũ Thị Kiều	Trang	15/01/2004	KD10E	59					
30	000286	1001020322	Vũ Thu	Trang	12/06/2004	KD10E	59					
31	000287	1001021581	Ngô Anh	Tú	24/10/2004	KD10E	59					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000288	1001021082	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/09/2004	KD10E	59					
2	000289	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	59					
3	000290	1001020340	Trần Thị Hương	Xuân	09/08/2004	KD10E	59					
4	000291	0901030031	Nguyễn Như	Quỳnh	17/10/2003	KD9D	59					
5	000292	1001021446	Nguyễn Thị	Thoa	28/08/1999	KD10B	60					
6	000293	1001020332	Đỗ Hạ	Vi	28/05/2004	KD10B	60					
7	000294	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	60					
8	000295	1001021417	Lưu Thị Quỳnh	Anh	17/08/2004	KD10G	60					
9	000296	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	60					HP
10	000297	1001020048	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/01/2004	KD10G	60					
11	000298	1001020485	Nông Thị Thục	Anh	23/08/2004	KD10G	60					
12	000299	1001020058	Chu Thị	Ánh	26/09/2004	KD10G	60					
13	000300	1001020065	Trần Ngọc	Ánh	17/09/2004	KD10G	60					
14	000301	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	60					
15	000302	1001020074	Nguyễn Thị Khánh	Chi	19/11/2004	KD10G	60					
16	000303	1001020947	Nguyễn Thị Lệ	Chi	05/07/2004	KD10G	60					
17	000304	1001020950	Đặng Ngọc	Diễm	21/12/2004	KD10G	60					
18	000305	1001020091	Phạm Quang	Dũng	25/11/2004	KD10G	60					
19	000306	1001020955	Đặng Thùy	Dương	21/04/2004	KD10G	60					
20	000307	1001020960	Phạm Hương	Giang	20/05/2004	KD10G	60					
21	000308	1001020108	Nguyễn Việt	Hà	09/10/2004	KD10G	60					
22	000309	1001021529	Trần Thị Thu	Hòa	13/09/2004	KD10G	60					
23	000310	1001020973	Nguyễn Thị	Hoài	28/07/2004	KD10G	60					
24	000311	1001020975	Đỗ Thị	Huệ	17/04/2004	KD10G	60					
25	000312	1001021423	Nguyễn Thị Mai	Hương	17/02/2004	KD10G	60					
26	000313	1001020147	Đỗ Thị Thúy	Huyền	03/04/2004	KD10G	60					
27	000314	1001020152	Phùng Khánh	Huyền	11/01/2004	KD10G	60					
28	000315	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	60					
29	000316	1001020367	Đoàn Khánh	Linh	03/04/2004	KD10G	60					
30	000317	1001020170	Nguyễn Bảo	Linh	21/08/2004	KD10G	60					
31	000318	1001020177	Nguyễn Thùy	Linh	25/08/2004	KD10G	60					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000319	0901020852	Vũ Mạnh	Hiếu	24/08/2003	KD10G	61					HP,ĐK
2	000320	1001021013	Lại Thị Thảo	Ly	19/09/2004	KD10G	61					
3	000321	1001020196	Trần Thị Ngọc	Mai	12/09/2004	KD10G	61					
4	000322	1001021020	Nguyễn Văn	Minh	26/01/2004	KD10G	61					HP
5	000323	1001021745	Nguyễn Trà	My	27/03/2003	KD10G	61					
6	000324	1001020209	Đào Thị Quỳnh	Nga	01/01/2004	KD10G	61					
7	000325	1001020219	Nguyễn Kim	Ngọc	13/09/2004	KD10G	61					
8	000326	1001020225	Nguyễn Thị Thanh	Nhài	17/07/2004	KD10G	61					
9	000327	1001021035	Hoàng Nguyệt	Nhi	09/05/2004	KD10G	61					
10	000328	1001020235	Trịnh Yến	Nhi	13/10/2004	KD10G	61					
11	000329	1001020242	Trịnh Thị Hồng	Nhung	20/05/2004	KD10G	61					
12	000330	1001021043	Lê Hoàng Bảo	Phương	15/11/2003	KD10G	61					
13	000331	1001020981	Phạm Thu	Phương	06/11/2004	KD10G	61					
14	000332	1001020261	Trương Thị	Quyên	16/02/2004	KD10G	61					
15	000333	1001020272	Đào Thanh	Thảo	29/01/2004	KD10G	61					
16	000334	1001021404	Trần Thị Phương	Thảo	08/03/2004	KD10G	61					
17	000335	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	61					
18	000336	1001021065	Trần Thị Hà	Thu	06/01/2004	KD10G	61					
19	000337	1001020298	Đỗ Thị	Thùy	01/08/2004	KD10G	61					
20	000338	1001021068	Đỗ Thị Minh	Thùy	16/10/2004	KD10G	61					
21	000339	1001020308	Chu Thị Huyền	Trang	27/10/2004	KD10G	61					
22	000340	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	61					
23	000341	1001020451	Nguyễn Thùy	Trang	29/02/2004	KD10G	61					
24	000342	1001021582	Trần Ngọc	Tuấn	08/03/2004	KD10G	61					
25	000343	1001021583	Trần Thị Ánh	Tuyết	11/08/2004	KD10G	61					
26	000344	1001021084	Đặng Thị Thảo	Vân	21/06/2004	KD10G	61					HP
27	000345	1001021088	Nguyễn Thị Như	Ý	01/06/2004	KD10G	61					
28	000346	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	62					
29	000347	1001020032	Lê Thị Quỳnh	Anh	30/12/2004	KD10H	62					
30	000348	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD10H	62					
31	000349	1001020043	Nguyễn Thị Minh	Anh	20/10/2004	KD10H	62					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000350	1001020061	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/07/2004	KD10H	62					
2	000351	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	62					
3	000352	1001021422	Nghiêm Quỳnh	Chi	29/02/2004	KD10H	62					
4	000353	1001020082	Vũ Thị	Dịu	10/07/2004	KD10H	62					
5	000354	1001020099	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/10/2004	KD10H	62					
6	000355	1001020100	Nguyễn Thu	Giang	21/11/2003	KD10H	62					
7	000356	1001021521	Trần Ngọc	Hà	08/04/2004	KD10H	62					
8	000357	1001020119	Nguyễn Thị	Hậu	12/12/2004	KD10H	62					
9	000358	1001020553	Nguyễn Thúy	Hiền	09/07/2004	KD10H	62					
10	000359	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	62					
11	000360	1001021533	Trần Thị	Huệ	26/03/2004	KD10H	62					
12	000361	1001020978	Hà Thị Thu	Hương	28/09/2004	KD10H	62					
13	000362	1001020142	Nguyễn Thị Xuân	Hương	05/08/2004	KD10H	62					
14	000363	1001020143	Tạ Thị	Hương	07/07/2004	KD10H	62					
15	000364	1001020148	Lê Khánh	Huyền	16/09/2004	KD10H	62					
16	000365	1001020990	Trần Thị	Huyền	26/07/2002	KD10H	62					
17	000366	1001020165	Đoàn Ngọc	Linh	04/03/2004	KD10H	62					
18	000367	1001020171	Nguyễn Hà	Linh	08/04/2004	KD10H	62					
19	000368	1001020173	Nguyễn Ngọc	Linh	21/11/2003	KD10H	62					
20	000369	1001020172	Nguyễn Ngọc	Linh	24/11/2004	KD10H	62					
21	000370	1001021006	Nguyễn Thùy	Linh	25/10/2004	KD10H	62					
22	000371	1001020621	Lê Thị Thảo	Ly	03/02/2004	KD10H	63					
23	000372	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	63					
24	000373	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	63					
25	000374	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H	63					
26	000375	1001020208	Trần Thành	Nam	14/01/2004	KD10H	63					
27	000376	1001021026	Đỗ Thị	Ngân	09/10/2004	KD10H	63					
28	000377	1001021029	Nguyễn Minh	Ngọc	15/11/2004	KD10H	63					
29	000378	1001020230	Lã Yến	Nhi	14/03/2004	KD10H	63					
30	000379	1001020653	Bùi Thị	Nhung	09/09/2004	KD10H	63					
31	000380	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD10H	63					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000381	1001020249	Lê Thị Thu	Phương	12/08/2004	KD10H	63					
2	000382	1001021045	Nguyễn Thị	Phương	20/04/2004	KD10H	63					
3	000383	1001020254	Trương Thu	Phương	25/10/2004	KD10H	63					
4	000384	1001021053	Lê Anh	Tài	28/09/2004	KD10H	63					
5	000385	1001020274	Đỗ Thị Thu	Thảo	14/11/2004	KD10H	63					
6	000386	1001020281	Nguyễn Phương	Thảo	14/09/2004	KD10H	63					
7	000387	1001021060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2004	KD10H	63					
8	000388	1001021731	Phạm Thị Phương	Thảo	11/03/2004	KD10H	63					
9	000389	1001021308	Huỳnh Thị Thanh	Thư	08/10/2004	KD10H	63					
10	000390	1001021447	Đỗ Lê Minh	Trang	25/05/2004	KD10H	63					
11	000391	1001020313	Nguyễn Quỳnh	Trang	28/09/2004	KD10H	63					
12	000392	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD10H	63					ĐK
13	000393	1001021428	Hoàng Mỹ	Uyên	04/12/2004	KD10H	63					
14	000394	1001020337	Nguyễn Trường	Vũ	24/05/2004	KD10H	63					
15	000395	1001020342	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	KD10H	63					
16	000396	1001070427	Phạm Hà Thảo	Anh	16/12/2004	KL10A	64					
17	000397	1001070428	Trần Thùy	Anh	05/11/2004	KL10A	64					HP
18	000398	1001070430	Nguyễn Thị Như	Bình	05/09/2004	KL10A	64					
19	000399	1001070432	Kiều Minh	Diễm	17/11/2004	KL10A	64					
20	000400	1001070435	Đoàn Bắc Đăng	Duy	26/12/2004	KL10A	64					
21	000401	1001071146	Nguyễn Khánh	Hoàng	08/07/2004	KL10A	64					
22	000402	1001070453	Hàn Quốc	Tuấn	21/04/2004	KL10A	64					HP
23	000403	1001070425	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/04/2004	QL10A	64					
24	000404	1001071401	Lê Hương	Cúc	20/11/2004	QL10A	64					
25	000405	1001070433	Nguyễn Đức	Đô	24/11/2004	QL10A	64					
26	000406	1001070436	Nguyễn Thị	Giang	19/02/2004	QL10A	64					
27	000407	1001070439	Nguyễn Công	Hiếu	23/08/2004	QL10A	64					
28	000408	1001070441	Nguyễn Quốc	Huy	22/08/1997	QL10A	64					
29	000409	1001071155	Nguyễn Hải	Long	22/06/2004	QL10A	64					
30	000410	1001071157	Bùi Thị Như	Ngọc	03/12/2004	QL10A	64					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000411	1001071161	Hoàng Thị	Nhi	01/01/2004	QL10A	64					
2	000412	1001071164	Đỗ Anh	Phương	14/10/2004	QL10A	64					
3	000413	1001071166	Đỗ Thị	Thùy	10/05/2003	QL10A	64					
4	000414	1001071169	Phạm Thị Thùy	Trang	28/09/2004	QL10A	64					
5	000415	1001071171	Vũ Văn	Trường	18/12/2004	QL10A	64					ĐK
6	000416	1001071172	Nguyễn Duy	Tuấn	12/05/2004	QL10A	64					ĐK
7	000417	1001070455	Trịnh Hữu	Tường	14/02/2004	QL10A	64					ĐK
8	000418	1001040001	Vũ Đức	An	31/03/2004	CT10A	65					
9	000419	1001040002	Đỗ Tuấn	Anh	14/12/2004	CT10A	65					
10	000420	1001040005	Trần Tuấn	Anh	15/10/2004	CT10A	65					
11	000421	1001040910	Hoàng Vũ	Dương	09/08/2004	CT10A	65					
12	000422	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	65					
13	000423	1001031637	Lê Thu	Hoài	30/12/2004	CT10A	65					
14	000424	1001040011	Phạm Thị Kim	Huệ	19/05/2004	CT10A	65					
15	000425	1001030586	Phạm Ngọc	Huyền	23/01/2004	CT10A	65					
16	000426	1001041434	Lê Ngọc	Khang	02/02/2004	CT10A	65					
17	000427	1001040013	Nguyễn Thị Khánh	Ly	25/08/2004	CT10A	65					
18	000428	1001041503	Chữ Thị Quỳnh	Mai	11/11/2004	CT10A	65					
19	000429	1001040918	Đào Duy	Nam	15/03/2004	CT10A	65					
20	000430	1001040015	Trần Quốc	Thắng	22/11/2004	CT10A	65					
21	000431	1001041432	Nguyễn Thùy	Trang	15/06/2003	CT10A	65					
22	000432	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	66					ĐK
23	000433	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	66					
24	000434	1001080383	Lê Lan	Anh	26/07/2004	TM10A	66					
25	000435	1001081182	Nguyễn Hồng	Anh	27/02/2004	TM10A	66					
26	000436	1001080386	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	08/11/2004	TM10A	66					
27	000437	1001081104	Ngô Thị Kim	Ánh	07/09/2004	TM10A	66					
28	000438	1001081106	Đặng Đình Gia	Bảo	10/06/2004	TM10A	66					HP
29	000439	1001081592	Nguyễn Ngọc	Bích	17/11/2004	TM10A	66					
30	000440	1001080387	Nguyễn Hà	Châu	19/12/2004	TM10A	66					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000441	1001081107	Đỗ Đức	Cường	06/09/2004	TM10A	66					
2	000442	1001080388	Nguyễn Thị	Hà	04/08/2004	TM10A	66					
3	000443	1001080390	Nguyễn Thị	Hào	31/07/2004	TM10A	66					
4	000444	1001081112	Lương Thảo	Hiền	25/04/2004	TM10A	66					
5	000445	1001080391	Phạm Thị Thuý	Hiền	25/12/2004	TM10A	66					
6	000446	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	66					
7	000447	1001080393	Bùi Minh	Hồng	05/10/2004	TM10A	66					
8	000448	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	66					
9	000449	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	66					
10	000450	1001080397	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/02/2004	TM10A	66					
11	000451	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	66					
12	000452	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	66					
13	000453	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	67					
14	000454	1001081115	Nguyễn Diệu	Linh	12/02/2004	TM10A	67					
15	000455	1001080400	Nguyễn Thị Diệu	Linh	05/03/2004	TM10A	67					
16	000456	1001080403	Cung Xuân	Mai	22/01/2004	TM10A	67					
17	000457	1001080404	Nguyễn Hùng	Mạnh	26/10/2004	TM10A	67					
18	000458	1001081117	Nguyễn Văn	Minh	03/07/2004	TM10A	67					
19	000459	1001080408	Vũ Trần Minh	Ngọc	03/08/2004	TM10A	67					
20	000460	1001080409	Hoàng Tổ	Nhi	12/11/2004	TM10A	67					
21	000461	1001081440	Trần Thị Kim	Oanh	15/04/2004	TM10A	67					HP
22	000462	1001080413	Chu Lan	Phương	14/06/2004	TM10A	67					
23	000463	1001081125	Phạm Thị	Phượng	22/06/2004	TM10A	67					
24	000464	1001080415	Đỗ Trường	Son	21/07/2004	TM10A	67					HP
25	000465	1001081437	Hồ Lê Phương	Thảo	23/10/2004	TM10A	67					
26	000466	1001080420	Nguyễn Thị	Thảo	06/11/2004	TM10A	67					
27	000467	1001080421	Mạc Đoàn Thanh	Trang	26/11/2004	TM10A	67					
28	000468	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A	67					
29	000469	1001080422	Nguyễn Thanh	Vân	12/11/2004	TM10A	67					
30	000470	1001080423	Trần Ngọc Yến	Vy	27/11/2004	TM10A	67					
31	000471	1001020946	Lê Thảo	Chi	15/02/2004	KD10C	54					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2